

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2018 – 2019

Bậc đào tạo: TRUNG CẤP (T4)

Học phần: NGUYÊN PHỤ LIỆU DỆT MAY

Lớp: 17T4-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 201

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 174

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Sử dụng dữ liệu này để trả lời 3 câu hỏi sau: Một tấm vải khô 0,9m chiều dài 2m. Sau khi xử lý giặt ủi chiều dài còn 193cm, chiều rộng còn 86cm. Chọn kết quả gần đúng nhất:

Câu 1: Tính độ co dọc

- A. 3,5% B. 3% C. 4,5% D. 4%

Câu 2: Tính độ co ngang

- A. 4,4% B. 3% C. 4% D. 5%

Câu 3: Với độ co như trên thì một quần âu có định mức 1,8m thì phải cắt bao nhiêu mét để may được quần âu?

- A. 1,9m B. 2m C. 1,7m D. 2,1m

Câu 4: Vật liệu dệt may được dùng nhiều nhất trong

- A. Y tế và quân sự B. Sinh hoạt C. Công nghiệp D. May mặc

Câu 5: Khi cần vải có độ bóng cao, rũ, mềm mại người ta thường sử dụng kiểu dệt sau đây là thích hợp nhất

- A. Lactix B. Vân chéo C. Vân điểm D. Vân đoạn

Câu 6: _____ được tạo thành ít nhất từ hai hệ thống sợi dọc và sợi ngang đan với nhau theo phương vuông góc

- A. Vải sợi tổng B. Vải mộc C. Vải dệt kim D. Vải dệt thoi
hợp

Câu 7: _____ là hiện tượng vòng sợi bị rút mất theo hướng hàng vòng hay hướng cột vòng của vải dệt kim. Hiện tượng này cũng còn phụ thuộc kiểu đan, độ nhẵn của sợi, tính chất cơ học

- A. Dạt sợi B. Quần mép C. Tuột vòng D. Cả 3 đều đúng

Câu 8: Vải có chất liệu Polieste và Viscose với thành phần 67/33, gọi là vải gì?

- A. Vải polyester B. Vải Viscose C. Vải sợi thiên nhiên D. Vải sợi pha

Câu 9: Khi nhận biết bằng phương pháp trực quan, loại vải nào sau đây cho cảm giác tay tốt nhất:

- A. Vải lanh B. Vải tơ tằm C. Vải polyester D. Vải bông

Câu 10: Nguyên nhân vải bị co rút là:

- A. Vải sợi thiên nhiên bị co B. Nhiệt độ, độ ẩm môi trường thay đổi C. Một hệ sợi bị duỗi thẳng, hệ sợi kia bị uốn khúc D. Cả 3 đều đúng

Câu 11: Phụ liệu góp phần tạo hình, làm cứng các chi tiết là

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu cài C. Phụ liệu da D. Phụ liệu trang trí

Câu 12: Vải sa tanh với bề mặt bóng có kiểu dệt

- A. Vân đoạn B. Vân chéo C. Biến đổi D. Vân điểm

Câu 13: Tên thương mại của xơ sợi bông là

- A. PES B. PA C. Acetate D. Cotton

Câu 14: Có nhiều loại phụ liệu may, thường được chia thành _____ loại phụ liệu

- A. 3 B. 10 C. 6 D. 7

Câu 15: Hệ thống sợi nằm xuôi theo biên vải gọi là _____

- A. Canh dọc B. Canh ngang C. Canh chéo D. Thiên canh

Câu 16: Đặc điểm nào sau đây tạo cho xơ gốc thiên nhiên phù hợp yêu cầu vệ sinh may mặc

- A. Hút ẩm tốt B. Tích điện tốt C. Bền cơ học cao D. Bền với nấm mốc

Câu 17: Vải may Drap trải giường, cần thử độ bền màu với

- A. Giặt, ủi B. Mồ hôi, ma sát C. Nhiệt độ ủi D. Ánh sáng

Câu 18: Thành phần Xenlulo trong xơ bông chiếm

- A. 95% B. 64% C. 50% D. 100%

Câu 19: Vải có tính chất

Khối lượng riêng 1,38 g/cm³, Độ hút ẩm rất thấp $W = 0,4 - 0,5\%$.

- A. Vải PA B. Vải AC C. Vải len D. Vải polyester

Câu 20: _____ là những vật liệu chính tạo nên sản phẩm may

- A. Phụ liệu may B. Nguyên phụ liệu may C. Vật liệu may D. Nguyên liệu may

Câu 21: Protein trong tơ tằm có tên gọi là

- A. Pectin B. Fibroin C. Keratin D. Xenlulo

Câu 22: Xơ thiên nhiên gốc hữu cơ

- | | | | |
|-----------------------|-----------|------------------------|---------------------|
| A. Bông, lanh, tơ tằm | B. Amiang | C. Polyester, polyamid | D. Viscose, acetate |
|-----------------------|-----------|------------------------|---------------------|

Câu 23: Mật độ sợi dọc và sợi ngang KHÔNG ảnh hưởng đến

- | | | | |
|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|
| A. Độ bền màu của vải | B. Độ dày của vải | C. Độ bền của vải | D. Độ thông thoáng của vải |
|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|

Câu 24: Nút, móc, dây kéo thông thường được xếp vào nhóm

- | | | | |
|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------|
| A. Phụ liệu tạo dáng | B. Phụ liệu liên kết | C. Phụ liệu trang trí | D. Phụ liệu cài |
|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------|

Câu 25: Nhám dính còn được gọi là

- | | | | |
|---------|--------------|-----------------|------------|
| A. Khoá | B. Miếng dán | C. Dây khoá kéo | D. Cài mềm |
|---------|--------------|-----------------|------------|

Câu 26: Quần áo trẻ em tốt nhất là sử dụng chất liệu

- | | | | |
|--------|-------|------------|-----------|
| A. Len | B. AC | C. Viscose | D. Cotton |
|--------|-------|------------|-----------|

Câu 27: Vải tơ tằm giặt sạch với hoá chất nào sau đây

- | | | | |
|------------------------|-----------------|----------------|------------|
| A. Nước xả vải Comfort | B. Bột giặt OMO | C. Dầu gội đầu | D. Sữa tắm |
|------------------------|-----------------|----------------|------------|

Câu 28: Kiểu dệt quyết định hình thức mặt vải và _____ của vải

- | | | | |
|----------------------|--|--|------------------|
| A. Tính chất sử dụng | B. Giúp nhà thiết kế vải tạo ra nhiều loại vải khác nhau | C. Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất | D. Cả 3 đều đúng |
|----------------------|--|--|------------------|

Câu 29: Độ dày của vải phụ thuộc vào

- | | | | |
|-------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------------|
| A. Độ đều của sợi | B. Mật độ dệt của vải và cỡ sợi | C. Độ sạch của sợi | D. Khổ rộng của máy dệt |
|-------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------------|

Câu 30: _____ là loại vải được lấy ra trực tiếp từ máy dệt, vải này thường cứng, độ thấm thấu nước kém, có nhiều tạp chất, hình dạng bên ngoài không đẹp

- | | | | |
|------------------|-------------|----------------|------------|
| A. Vải nhiều lớp | B. Vải nhẵn | C. Vải xù lông | D. Vải mộc |
|------------------|-------------|----------------|------------|

Câu 31: Vải có tính chất

Sợi đốt cháy như các loại xơ, sợi xenlulo: cháy nhanh, có mùi như giấy cháy, tro ít và chỉ có ở đầu đốt, dễ trương nở trong môi trường nước, rất dễ rách

- | | | | |
|------------|---------------|-------------|---------------|
| A. Vải len | B. Vải tơ tằm | C. Vải bông | D. Vải vitxco |
|------------|---------------|-------------|---------------|

Câu 32: Vải có tính chất

Độ bền của vải gấp 2 đến 3 lần xơ, sợi tự nhiên có cùng chỉ số, độ bền tự đứt khoảng 60 km.

Độ kéo dãn lớn từ 25 – 30%, độ đàn hồi từ 6 – 8%.

Có tính chất ổn định với kiềm, bền với nước mặn, không bền trong môi trường axit.

- | | | | |
|---------------|-----------|------------|-----------------|
| A. Vải tơ tằm | B. Vải AC | C. Vải len | D. Vải poliamit |
|---------------|-----------|------------|-----------------|

☒

- 

- Phạm Thị Thanh Thúy

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2018 – 2019

Bậc đào tạo: TRUNG CẤP (T4)

Học phần: NGUYÊN PHỤ LIỆU DỆT MAY

Lớp: 17T4-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 201

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 175

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Câu 1: Vật liệu dệt may được dùng nhiều nhất trong

- A. Y tế và quân sự B. Sinh hoạt C. Công nghiệp D. May mặc

Câu 2: Mặt vải không nhăn, có xù lông tơ nhỏ, vò nhẹ để lại nhiều nếp nhăn. Đốt sợi cháy nhanh, có mùi như giấy cháy, tro mềm, màu trắng, bóp dễ vỡ.

- A. Vải len B. Vải PES C. Vải PA D. Vải Cotton

Câu 3: Quần áo mùa đông, thường dùng chất liệu gì sau đây

- A. Len B. Tơ tằm C. Lanh D. Gai

Câu 4: Lớp vảy bao quanh bên ngoài thân lông và bảo vệ cho lớp xơ đặc bên trong. Lớp vảy ảnh hưởng đến sự liên kết giữa các xơ, do các tế bào keratin hình dẹt mỏng một phần nhô ra ngoài, một phần nằm trong thân lông tạo thành; là loại xơ gì sau đây

- A. Lanh B. Tơ tằm C. Len D. Gai

Câu 5: Mặt vải bóng, xơ sợi đều và bền, nếu pha với xơ bông hoặc xơ len vải bền, đẹp và không bị nhàu nát. Khi kéo đứt sợi có độ đàn hồi cao, khó đứt; là loại xơ gì sau đây

- A. PES B. Tơ tằm C. Lanh D. PA

Câu 6: Vải dệt theo _____ mặt vải dệt rất bóng và mềm mại nhưng độ bền của nó kém như vải xatanh, láng...

- A. Kiểu vân điểm B. Kiểu vân chéo C. Kiểu vân đoạn D. Cả 3 đều đúng

Câu 7: Phụ liệu làm tăng giá trị thẩm mỹ sản phẩm là

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu cài C. Phụ liệu da D. Phụ liệu trang trí

Câu 8: Vải sa tanh với bề mặt bóng có kiểu dệt

- A. Vân đoạn B. Vân chéo C. Biến đổi D. Vân điểm

Câu 9: Tên thương mại của xơ sợi bông là

- A. PES B. PA C. Acetate D. Cotton

Câu 10: Có nhiều loại phụ liệu may, thường được chia thành _____ loại phụ liệu

- A. 3 B. 10 C. 6 D. 7

Câu 11: Vải có tính chất

Sợi đốt cháy như các loại xơ, sợi xenlulo: cháy nhanh, có mùi như giấy cháy, tro ít và chỉ có ở đầu đốt. Dễ trương nở trong môi trường nước, rất dễ rách

- A. Vải len B. Vải tơ tằm C. Vải bông D. Vải vitxco

Câu 12: Vải có tính chất

Độ bền của vải gấp 2 đến 3 lần xơ, sợi tự nhiên có cùng chỉ số, độ bền tự đứt khoảng 60 km.

Độ kéo giãn lớn từ 25 – 30%, độ đàn hồi từ 6 – 8%.

Có tính chất ổn định với kiềm, bền với nước mặn, không bền trong môi trường axit.

- A. Vải tơ tằm B. Vải AC C. Vải len D. Vải poliamit

Sử dụng dữ liệu này để trả lời 3 câu hỏi sau: Một tấm vải khổ 0,9m chiều dài 2m. Sau khi xử lý giặt ủi chiều dài còn 193cm, chiều rộng còn 86cm. Chọn kết quả gần đúng nhất:

Câu 13: Tính độ co dọc

- A. 3,5% B. 3% C. 4,5% D. 4%

Câu 14: Tính độ co ngang

- A. 4,4% B. 3% C. 4% D. 5%

Câu 15: Với độ co như trên thì một quần âu có định mức 1,8m thì phải cắt bao nhiêu mét để may được quần âu?

- A. 1,9m B. 2m C. 1,7m D. 2,1m

Câu 16: Chất liệu nào sau đây được phong làm “Nữ hoàng vải sợi”

- A. Vải lanh B. Vải tơ tằm C. Vải polyester D. Vải bông

Câu 17: _____ dùng để liên kết các chi tiết sản phẩm lại với nhau và giữ chúng cố định, bao gồm chỉ may và các loại chất kết dính

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu cài C. Phụ liệu trang trí D. Phụ liệu liên kết

Câu 18: Hình vẽ bên là ký hiệu trên sản phẩm quần áo chỉ dẫn 

- A. Không được ủi B. Được phép ủi ẩm C. Được ủi với chế độ thông thường D. Không được làm phẳng

Câu 19: Nguyên tắc nào sau đây thích hợp nhất:

- A. Vải dày-kim lớn-chỉ to B. Vải dày-kim nhỏ-chỉ to C. Vải mỏng-kim nhỏ-chỉ to D. Vải mỏng-kim lớn-chỉ mảnh

Câu 20: Để mô tả quy luật đan của các hệ sợi trên vải dệt thoi, người ta thường sử dụng các thuật ngữ

sau:

- | | | | |
|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|------------------------------------|
| A. Repeat, vòng
chập, go | B. Canh, biên, trụ
vòng, cung kim | C. Cam, khỗ, lược | D. Rappo, điểm nổi,
bước chuyển |
|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|------------------------------------|

Câu 21: Vải được tạo nên từ một hoặc nhiều sợi uốn thành vòng móc nối nhau theo cột hoặc theo hàng

- | | | | |
|-----------------|----------------|-------------------------|------------------|
| A. Vải dệt thoi | B. Vải dệt kim | C. Vải dệt đan
ngang | D. Cả 3 đều đúng |
|-----------------|----------------|-------------------------|------------------|

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây tạo cho xơ gốc thiên nhiên phù hợp yêu cầu vệ sinh may mặc

- | | | | |
|---------------|------------------|-------------------|-----------------------|
| A. Hút ẩm tốt | B. Tích điện tốt | C. Bền cơ học cao | D. Bền với nấm
mốc |
|---------------|------------------|-------------------|-----------------------|

Câu 23: Vải may Drap trải giường, cần thử độ bền màu với

- | | | | |
|-------------|-------------------|----------------|-------------|
| A. Giặt, ủi | B. Mồ hôi, ma sát | C. Nhiệt độ ủi | D. Ánh sáng |
|-------------|-------------------|----------------|-------------|

Câu 24: Thành phần Xenlulo trong xơ bông chiếm

- | | | | |
|--------|--------|--------|---------|
| A. 95% | B. 64% | C. 50% | D. 100% |
|--------|--------|--------|---------|

Câu 25: Vải có tính chất

Khối lượng riêng 1,38 g/cm³, Độ hút ẩm rất thấp $W = 0,4 - 0,5\%$.

- | | | | |
|-----------|-----------|------------|------------------|
| A. Vải PA | B. Vải AC | C. Vải len | D. Vải polyester |
|-----------|-----------|------------|------------------|

Câu 26: Chất liệu có độ hút ẩm nhiều nhất trong các chất liệu sau đây

- | | | | |
|--------|---------|---------|--------|
| A. Len | B. Lanh | C. Bông | D. Đay |
|--------|---------|---------|--------|

Câu 27: Nhám dính còn được gọi là

- | | | | |
|---------|--------------|-----------------|------------|
| A. Khoá | B. Miếng dán | C. Dây khoá kéo | D. Cài mềm |
|---------|--------------|-----------------|------------|

Câu 28: Quần áo trẻ em tốt nhất là sử dụng chất liệu

- | | | | |
|--------|-------|------------|-----------|
| A. Len | B. AC | C. Viscose | D. Cotton |
|--------|-------|------------|-----------|

Câu 29: Vải len giặt sạch với hoá chất nào tốt nhất, sau đây

- | | | | |
|---------------------------|-----------------|----------------|------------|
| A. Nước xả vải
Comfort | B. Bột giặt OMO | C. Dầu gội đầu | D. Sữa tắm |
|---------------------------|-----------------|----------------|------------|

Câu 30: Chỉ may có độ bền như thế nào với vải

- | | | | |
|---------|------------|------------|----------|
| A. Bằng | B. Lớn hơn | C. Nhỏ hơn | D. Tùy ý |
|---------|------------|------------|----------|

Câu 31: Khi cần vải có độ bóng cao, rũ, mềm mại người ta thường sử dụng kiểu dệt sau đây là thích hợp nhất

- | | | | |
|-----------|-------------|-------------|-------------|
| A. Lactix | B. Vân chéo | C. Vân điểm | D. Vân đoạn |
|-----------|-------------|-------------|-------------|

Câu 32: _____ được tạo thành ít nhất từ hai hệ thống sợi dọc và sợi ngang đan với nhau theo phương vuông góc

- | | | | |
|---------------------|------------|----------------|-----------------|
| A. Vải sợi tổng hợp | B. Vải mộc | C. Vải dệt kim | D. Vải dệt thoi |
|---------------------|------------|----------------|-----------------|

Câu 33: _____ là hiện tượng vòng sợi bị rút mất theo hướng hàng vòng hay hướng cột vòng của vải dệt

kim. Hiện tượng này cũng còn phụ thuộc kiểu đan, độ nhẵn của sợi, tính chất cơ học

- A. Dệt sợi B. Quấn mép C. Tuột vòng D. Cả 3 đều đúng

Câu 34: Vải có chất liệu Polieste và Viscose với thành phần 67/33, gọi là vải gì?

- A. Vải polyester B. Vải Viscose C. Vải sợi thiên nhiên D. Vải sợi pha

Câu 35: Khi nhận biết bằng phương pháp trực quan, loại vải nào sau đây cho cảm giác tay tốt nhất:

- A. Vải lanh B. Vải tơ tằm C. Vải polyester D. Vải bông

Câu 36: _____ là những vật liệu chính tạo nên sản phẩm may

- A. Phụ liệu may B. Nguyên phụ liệu C. Vật liệu may D. Nguyên liệu may

Câu 37: Protein trong tơ tằm có tên gọi là

- A. Pectin B. Fibroin C. Keratin D. Xenlulo

Câu 38: Độ hút ẩm của Xô bông là

- A. W=1-9% B. W=5-9% C. W=8-12% D. W=3-12%

Câu 39: Mật độ sợi dọc và sợi ngang KHÔNG ảnh hưởng đến

- A. Độ bền màu của vải B. Độ dày của vải C. Độ bền của vải D. Độ thông thoáng của vải

Câu 40: Nút, móc, dây kéo thông thường được xếp vào nhóm

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu liên kết C. Phụ liệu trang trí D. Phụ liệu cài

_____Hết_____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Việt Khánh Trang

Phạm Thị Thanh Thúy

Phạm Thị Thanh Thúy

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2018 – 2019

Bậc đào tạo: TRUNG CẤP (T4)

Học phần: NGUYÊN PHỤ LIỆU DỆT MAY

Lớp: 17T4-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 201

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 176

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Câu 1: Nút, móc, dây kéo thông thường được xếp vào nhóm

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu liên kết C. Phụ liệu trang trí D. Phụ liệu cài

Câu 2: Mật độ sợi dọc và sợi ngang KHÔNG ảnh hưởng đến

- A. Độ bền màu của vải B. Độ dày của vải C. Độ bền của vải D. Độ thông thoáng của vải

Câu 3: Tính chất nào của vải dệt kim ảnh hưởng rất lớn đến quá trình gia công sản phẩm may

- A. Tính tuột vòng B. Tính đàn hồi, co giãn C. Tính quần mép D. Cả 3 đều đúng

Câu 4: Protein trong Len có tên gọi là

- A. Pectin B. Fibroin C. Keratin D. Xenlulo

Câu 5: _____ là những vật liệu chính tạo nên sản phẩm may

- A. Phụ liệu may B. Nguyên phụ liệu C. Vật liệu may D. Nguyên liệu may

Sử dụng dữ liệu này để trả lời 3 câu hỏi sau: Một tấm vải khổ 0,9m chiều dài 2m. Sau khi xử lý giặt ủi chiều dài còn 193cm, chiều rộng còn 86cm. Chọn kết quả gần đúng nhất:

Câu 6: Tính độ co dọc

- A. 4,5% B. 3% C. 3,5% D. 4%

Câu 7: Tính độ co ngang

- A. 5% B. 3% C. 4% D. 4,4%

Câu 8: Với độ co như trên thì một quần âu có định mức 1,8m thì phải cắt bao nhiêu mét để may được quần âu?

- A. 1,9m B. 2m C. 1,7m D. 2,1m

Câu 9: Vải có tính chất

Vật liệu xốp và nhẹ nhất trong các loại xơ thiên nhiên là:

- A. Vải tơ tằm B. Vải AC C. Vải len D. Vải poliamit

Câu 10: Vải có tính chất

Sợi đốt cháy như các loại xơ, sợi xenlulo: cháy nhanh, có mùi như giấy cháy, tro ít và chỉ có ở đầu đốt, dễ trương nở trong môi trường nước, rất dễ rách

- A. Vải len B. Vải tơ tằm C. Vải bông D. Vải vitxco

Câu 11: Vải có tính chất

Khối lượng riêng $1,38 \text{ g/cm}^3$, Độ hút ẩm rất thấp $W = 0,4 - 0,5\%$.

- A. Vải PA B. Vải AC C. Vải len D. Vải polyester

Câu 12: Thành phần Xenlulo trong xơ bông chiếm

- A. 95% B. 64% C. 50% D. 100%

Câu 13: Vải may rèm cửa, cần thử độ bền màu với

- A. Giặt, ủi B. Mồ hôi, ma sát C. Nhiệt độ ủi D. Ánh sáng

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây tạo cho xơ gốc thiên nhiên phù hợp yêu cầu vệ sinh may mặc

- A. Hút ẩm tốt B. Tích điện tốt C. Bền cơ học cao D. Bền với nấm mốc

Câu 15: Khi nhận biết bằng phương pháp trực quan, loại vải nào sau đây cho cảm giác tay tốt nhất:

- A. Vải lanh B. Vải tơ tằm C. Vải polyester D. Vải bông

Câu 16: Vải dệt theo _____ do cấu tạo của hai hệ thống sợi và sự đan kết giữa chúng nên vải dệt rất bền, chắc nhưng mặt vải không được bóng

- A. Kiểu vân đoạn B. Kiểu vân điểm C. Kiểu vân chéo D. Cả 3 đều đúng

Câu 17: _____ là hiện tượng vòng sợi bị rút mất theo hướng hàng vòng hay hướng cột vòng của vải dệt kim. Hiện tượng này cũng còn phụ thuộc kiểu đan, độ nhẵn của sợi, tính chất cơ học

- A. Dạt sợi A. Quần mép B. Tuột vòng C. Cả 3 đều đúng

Câu 18: Vải có chất liệu 97% Cotton và 3% Elastane, gọi là vải gì?

- A. Vải polyester B. Vải sợi hóa học C. Vải sợi tổng hợp D. Vải sợi pha

Câu 19: Khi cần vải có độ bóng cao, rũ, mềm mại người ta thường sử dụng kiểu dệt sau đây là thích hợp nhất

- A. Lactix B. Vân chéo C. Vân điểm D. Vân đoạn

Câu 20: _____ được tạo thành ít nhất từ hai hệ thống sợi dọc và sợi ngang đan với nhau theo phương vuông góc

- D. Vải sợi tổng hợp B. Vải mộc C. Vải dệt kim D. Vải dệt thoi

Câu 21: Len và tơ tằm là hai loại nguyên liệu dệt may có nguồn gốc từ

- A. Khoáng vật B. Nhân tạo C. Thực vật D. Động vật

Câu 22: Vật liệu dệt may được dùng nhiều nhất trong

- A. Y tế và quân sự B. Sinh hoạt C. Công nghiệp D. May mặc

Câu 23: Kiểu dệt vân điểm là kiểu dệt

- A. Có mặt phải và mặt trái khác nhau B. Có mặt phải và mặt trái giống nhau C. Tạo thành các đường chéo trên bề mặt vải D. Tạo thành hiệu ứng bóng trên bề mặt phải

Câu 24: Hình vẽ bên là ký hiệu trên sản phẩm quần áo chỉ dẫn



- A. Ngâm B. Tẩy C. Nhuộm D. Giặt bằng tay

Câu 25: _____ là loại vải được lấy ra trực tiếp từ máy dệt, vải này thường cứng, độ thấm thấu nước kém, có nhiều tạp chất, hình dạng bên ngoài không đẹp

- A. Vải nhiều lớp B. Vải nhẵn C. Vải xù lông D. Vải mộc

Câu 26: _____ chủ yếu được hình thành bằng phương pháp liên kết các xơ lại với nhau tạo ra đệm xơ cho nên loại vải này có chiều dày và khối lượng thay đổi rất nhiều

- A. Vải nhiều lớp B. Vải không dệt C. Vải xù lông D. Vải mộc

Câu 27: Bước chuyển S là khoảng cách giữa 2 điểm nối kế tiếp nhau trong rappo. Dấu + chỉ hướng bước chuyển

- A. Từ trái sang phải, từ trên xuống dưới B. Từ phải sang trái, từ trên xuống dưới C. Từ trái sang phải, từ dưới lên trên D. Từ phải sang trái, từ dưới lên trên

Câu 28: Độ dày của vải phụ thuộc vào

- A. Độ đều của sợi B. Mật độ dệt của vải và cỡ sợi C. Độ sạch của sợi D. Khổ rộng của máy dệt

Câu 29: Quần áo trẻ em tốt nhất là sử dụng chất liệu

- A. Len B. AC C. Viscose D. Cotton

Câu 30: Vải tơ tằm giặt sạch với hoá chất nào sau đây

- A. Nước xả vải Comfort B. Bột giặt OMO C. Dầu gội đầu D. Sữa tắm

Câu 31: Chất liệu có độ hút ẩm nhiều nhất trong các chất liệu sau đây

- A. Len B. Lanh C. Bông D. Đay

Câu 32: Nhám dính còn được gọi là

- A. Khoá B. Miếng dán C. Dây khoá kéo D. Cài mềm

Câu 33: Nguyên tắc nào sau đây thích hợp nhất:

- A. Vải dày-kim lớn- B. Vải dày-kim C. Vải mỏng-kim D. Vải mỏng-kim

chỉ to

nhỏ-chỉ to

nhỏ-chỉ to

lớn-chỉ mảnh

Câu 34: Để mô tả quy luật đan của các hệ sợi trên vải dệt thoi, người ta thường sử dụng các thuật ngữ sau:

A. Repeat, vòng
chập, go

B. Canh, biên, trụ
vòng, cung kim

C. Cam, khổ, lược

D. Rappo, điểm nổi,
bước chuyển

Câu 35: Mặt vải bóng, xơ sợi đều và bền, nhuộm pha với xơ bông hoặc xơ len vải bền, đẹp và không bị nhàu nát. Khi kéo đứt sợi có độ đàn hồi cao, khó đứt; là loại xơ gì sau đây

A. PES

B. Tơ tằm

C. Lanh

D. PA

Câu 36: Hình vẽ bên là ký hiệu trên sản phẩm quần áo chỉ dẫn



A. Không được ủi

B. Được phép ủi ấm

C. Được ủi với chế
độ thông thường

D. Không được làm
phẳng

Câu 37: Quần áo mùa đông, thường dùng chất liệu gì sau đây

A. Len

B. Tơ tằm

C. Lanh

D. Gai

Câu 38: Lớp vẩy bao quanh bên ngoài thân lông và bảo vệ cho lớp xơ đặc bên trong. Lớp vẩy ảnh hưởng đến sự liên kết giữa các xơ, do các tế bào keratin hình dẹt mỏng một phần nhô ra ngoài, một phần nằm trong thân lông tạo thành; là loại xơ gì sau đây

A. Len

B. Tơ tằm

C. Lanh

D. Gai

Câu 39: Vật liệu dệt may được dùng nhiều nhất trong

A. Y tế và quân sự

B. Sinh hoạt

C. Công nghiệp

D. May mặc

Câu 40: Mặt vải không nhăn, có xù lông tơ nhỏ, vò nhẹ để lại nhiều nếp nhăn. Đốt sợi cháy nhanh, có mùi như giấy cháy, tro mềm, màu trắng, bóp dễ vỡ.

A. Vải len

B. Vải PES

C. Vải PA

D. Vải Cotton

_____ Hết _____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Việt Khánh Trang

Phạm Thị Thanh Thúy

Phạm Thị Thanh Thúy

NĂM HỌC: 2018 – 2019

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

A. Len B. Lạnh C. Bông D. Đay

A. Khoá B. Miếng dán C. Dây khoá kéo D. Cài mềm

A. Len B. AC C. Viscose D. Cotton

A. Nước xả vải Comfort B. Bột giặt OMO C. Dầu gội đầu D. Sữa tắm

A. Lanh B. Axetat C. Polyester D. Cotton

A. Phụ liệu may B. Nguyên phụ liệu C. Vật liệu may D. Nguyên liệu may

A. Pectin B. Fibroin C. Keratin D. Xenlulo

A. Bông, lanh, tơ tằm B. Amian C. Polyester, polyamid D. Viscose, acetate

A. Độ bền màu của vải B. Độ dày của vải C. Độ bền của vải D. Độ thông thoáng của vải

Câu 10: Lớp vẩy bao quanh bên ngoài thân lông và bảo vệ cho lớp xơ đặc bên trong. Lớp vẩy ảnh hưởng đến sự liên kết giữa các xơ, do các tế bào keratin hình dẹt mỏng một phần nhô ra ngoài, một phần nằm trong thân lông tạo thành; là loại xơ gì sau đây

- A. Len B. Tơ tằm C. Lanh D. Gai

Câu 11: Vật liệu dệt may được dùng nhiều nhất trong

- A. Y tế và quân sự B. Sinh hoạt C. Công nghiệp D. May mặc

Câu 12: Vải dệt kim, trước khi cắt vải được xô ra ở trạng thái tự do ít nhất là:

- A. 24 giờ B. 72 giờ C. 48 giờ D. 60 giờ

Câu 13: Quần áo mùa đông, thường dùng chất liệu gì sau đây

- A. Len B. Tơ tằm C. Lanh D. Gai

Câu 14: Khi nhận biết bằng phương pháp trực quan, loại vải nào sau đây cho cảm giác tay tốt nhất:

- A. Vải lanh B. Vải tơ tằm C. Vải polyester D. Vải bông

Câu 15: Sản phẩm ứng dụng của vải không dệt được sử dụng thường ngày là:

- A. Khẩu trang y tế B. Giày trẻ sơ sinh C. Túi xách D. Cả 3 đều đúng

Sử dụng dữ liệu này để trả lời 3 câu hỏi sau: Một tấm vải khổ 0,9m chiều dài 2m. Sau khi xử lý giặt ủi chiều dài còn 193cm, chiều rộng còn 86cm. Chọn kết quả gần đúng nhất:

Câu 16: Tính độ co dọc

- A. 3,5% B. 3% C. 4,5% D. 4%

Câu 17: Tính độ co ngang

- A. 4,4% B. 3% C. 4% D. 5%

Câu 18: Với độ co như trên thì một quần âu có định mức 1,8m thì phải cắt bao nhiêu mét để may được quần âu?

- A. 1,9m B. 2m C. 1,7m D. 2,1m

Câu 19: Vải có tính chất

Sợi đốt cháy như các loại xơ, sợi xenlulo: cháy nhanh, có mùi như giấy cháy, tro ít và chỉ có ở đầu đốt, dễ trương nở trong môi trường nước, rất dễ rách

- A. Vải len B. Vải tơ tằm C. Vải bông D. Vải vitxco

Câu 20: Vải có tính chất

Độ bền của vải gấp 2 đến 3 lần xơ, sợi tự nhiên có cùng chỉ số, độ bền tự đứt khoảng 60 km.

Độ kéo giãn lớn từ 25 – 30%, độ đàn hồi từ 6 – 8%.

Có tính chất ổn định với kiềm, bền với nước mặn, không bền trong môi trường axit.

- A. Vải tơ tằm B. Vải AC C. Vải len D. Vải poliamit

Câu 21: Nút, móc, dây kéo thông thường được xếp vào nhóm

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu liên kết C. Phụ liệu trang trí D. Phụ liệu cài

Câu 22: Khi cần vải có độ bóng cao, rũ, mềm mại người ta thường sử dụng kiểu dệt sau đây là thích hợp

nhất

- A. Lactix B. Vân chéo C. Vân điểm D. Vân đoạn

Câu 23: _____ được tạo thành ít nhất từ hai hệ thống sợi dọc và sợi ngang đan với nhau theo phương vuông góc

- A. Vải sợi tổng hợp B. Vải mộc C. Vải dệt kim D. Vải dệt thoi

Câu 24: _____ là hiện tượng vòng sợi bị rút mất theo hướng hàng vòng hay hướng cột vòng của vải dệt kim. Hiện tượng này cũng còn phụ thuộc kiểu đan, độ nhẵn của sợi, tính chất cơ học

- A. Dạt sợi B. Quần mép C. Tuột vòng D. Cả 3 đều đúng

Câu 25: Vải có chất liệu Polieste và Viscose với thành phần 67/33, gọi là vải gì?

- A. Vải polyester B. Vải Viscose C. Vải sợi thiên nhiên D. Vải sợi pha

Câu 26: Chất liệu nào sau đây được phong làm “Nữ hoàng vải sợi”

- A. Vải lanh B. Vải tơ tằm C. Vải polyester D. Vải bông

Câu 27: _____ dùng để liên kết các chi tiết sản phẩm lại với nhau và có thể tháo rời, bao gồm chỉ may và các loại chất kết dính

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu cài C. Phụ liệu trang trí D. Phụ liệu liên kết

Câu 28: Hình vẽ bên là ký hiệu trên sản phẩm quần áo chỉ dẫn 

- A. Không được ủi B. Được phép ủi ẩm C. Được ủi với chế độ thông thường D. Không được làm phẳng

Câu 29: Nguyên tắc nào sau đây thích hợp nhất:

- A. Vải dày-kim lớn-chỉ to B. Vải dày-kim nhỏ-chỉ to C. Vải mỏng-kim nhỏ-chỉ to D. Vải mỏng-kim lớn-chỉ mảnh

Câu 30: Để mô tả quy luật đan của các hệ sợi trên vải dệt thoi, người ta thường sử dụng các thuật ngữ sau:

- A. Repeat, vòng chập, go B. Canh, biên, trụ vòng, cung kim C. Cam, khổ, lược D. Rappo, điểm nổi, bước chuyển

Câu 31: Mặt vải bóng, xơ sợi đều và bền, nhuộm pha với xơ bông hoặc xơ len vải bền, đẹp và không bị nhàu nát. Khi kéo đứt sợi có độ đàn hồi cao, khó đứt; là loại xơ gì sau đây

- A. PES B. Tơ tằm C. Polyamid D. Lanh

Câu 32: Đặc điểm nào sau đây tạo cho xơ gốc thiên nhiên phù hợp yêu cầu vệ sinh may mặc

- A. Hút ẩm tốt B. Tích điện tốt C. Bền cơ học cao D. Bền với nấm mốc

Câu 33: Vải may Drap trải giường, cần thử độ bền màu với

- A. Giặt, ủi B. Mồ hôi, ma sát C. Nhiệt độ ủi D. Ánh sáng

Câu 34: _____ chủ yếu được hình thành bằng phương pháp liên kết các xơ lại với nhau điển hình như phương pháp xuyên kim,....

- A. Vải mộc B. Vải nhiều lớp C. Vải không dệt D. Vải dệt kim

Câu 35: Phụ liệu góp phần tạo hình, làm cứng các chi tiết là

- A. Phụ liệu tạo dáng B. Phụ liệu cài C. Phụ liệu da D. Phụ liệu trang trí

Câu 36: Vải sa tanh với bề mặt bóng có kiểu dệt

- A. Vân đoạn B. Vân chéo C. Biến đổi D. Vân điểm

Câu 37: Tên thương mại của xơ sợi bông là

- A. PES B. PA C. Acetate D. Cotton

Câu 38: Có nhiều loại phụ liệu may, thường được chia thành _____ loại phụ liệu

- A. 3 B. 10 C. 6 D. 7

Câu 39: Thành phần xenlulo trong xơ bông chiếm

- A. 95% B. 64% C. 50% D. 100%

Câu 40: Vải có tính chất

Khối lượng riêng 1,38 g/cm³, Độ hút ẩm rất thấp $W = 0,4 - 0,5\%$.

- A. Vải PA B. Vải AC C. Vải len D. Vải polyester

_____ Hết _____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Việt Khánh Trang

Phạm Thị Thanh Thúy

Phạm Thị Thanh Thúy

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2018 – 2019

Bậc đào tạo: TRUNG CẤP (T4)

Học phần: NGUYÊN PHỤ LIỆU DỆT MAY

Lớp: 17T4-CNM1 Ngày thi: ____ / ____ / 201

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

NỘI DUNG

Câu số	Mã đề thi			
	174	175	176	177
1	A	D	D	A
2	A	D	A	D
3	C	A	B	D
4	D	C	C	C
5	D	D	D	B
6	D	C	C	D
7	C	D	D	C
8	D	A	C	A
9	B	D	C	A
10	D	D	D	A
11	A	D	D	D
12	A	D	A	C
13	D	A	D	A
14	D	A	A	B
15	A	C	B	D
16	A	B	B	A
17	B	D	C	A
18	A	A	D	C
19	D	A	D	D
20	D	D	D	D
21	B	B	D	D
22	A	A	D	D

23	A	B	B	D
24	D	A	D	C
25	D	D	D	D
26	D	A	B	B
27	C	D	C	B
28	D	D	B	A
29	B	C	D	A
30	D	B	C	D
31	D	D	A	C
32	D	D	D	A
33	A	C	A	B
34	A	D	D	C
35	D	B	D	A
36	A	D	A	A
37	D	B	A	D
38	B	C	A	D
39	B	A	D	A
40	D	D	D	D

_____Hết_____

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Thúy

Phạm Thị Thanh Thúy